

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG HỢP LỰC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG HỢP LỰC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOP LUC TELECOMMUNICATION ELECTRONIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109319299

**3. Ngày thành lập:** 21/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số NO05 -LK157 khu đất dịch vụ Cây Quýt, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3312     |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3313     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3314     |
| 4.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3320     |
| 5.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4101     |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4102     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                       | 4322     |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. | 4329     |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330     |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, Điều hòa nhiệt độ,                                                                                                                                                                                        | 4649     |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652(Chính) |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                    | 4659        |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng: nồi cơm điện, ấm đun điện, phích điện, quạt, tủ lạnh, điều hòa, máy giặt...;<br>- Bán lẻ thiết bị gia dụng; | 4759        |
| 16. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4761        |
| 17. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4763        |
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế kết cấu công trình;<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>Thiết kế cấp - thoát nước;<br>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;                                                                                                                                                                                   | 7110        |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7410        |
| 20. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8121        |
| 21. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8129        |
| 22. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>( Trừ tổ chức hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230        |
| 23. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9511        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN NHÂN DŨNG | Thôn 3 , Xã Phù Lưu Tế, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 001089024578                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG | Số nhà 99 Cầu Đor 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 111298549                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                    |                           |        |             |        |              |
|---|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | DƯƠNG QUANG LƯỢNG | Thôn Văn Khê, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 | 001097017230 |
|   |                   |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                    | Tổng số                   | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |              |
|   |                   |                                                                                    |                           |        |             |        |              |
| 4 | NGUYỄN SỸ QUÂN    | Số 14/1 Trần Văn Chuông, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 | 001088018075 |
|   |                   |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                    | Tổng số                   | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |              |
|   |                   |                                                                                    |                           |        |             |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NHÂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/03/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001089024578

Ngày cấp: 03/01/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, Xã Phù Lưu Tế, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 3, Xã Phù Lưu Tế, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội